

Bản án số: 152/2019/HS-PT

Ngày: 10-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Nguyễn Xuân Điền

Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 54/TLPT-HS ngày 19 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo: **Võ Văn T và đồng phạm** về tội “*Đánh bạc*” và “*Tổ chức đánh bạc*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 46/2018/HS-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Văn T (tên gọi khác: T đen); sinh năm 1972 tại thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú: Thôn TL, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 8/12; con ông Võ Văn H5 và bà Nguyễn Thị T6 (đã chết); có vợ là Phùng Thị H6 và 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án, tại bản án số 172/2014/HS-PT ngày 21/5/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt Võ Văn T 02 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2018, đến ngày 08/8/2018 được tại ngoại;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Văn H (tên gọi khác: út H); sinh năm 1985 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ học vấn 9/12; con Ông Võ Văn H5 và bà Nguyễn Thị T6 (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2018, đến ngày 20/6/2018 được tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Vũ Đình T1; sinh năm 1977 tại thành phố Hải Phòng;

Nơi cư trú: Thôn 1, xã E1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 8/12; con ông Vũ Đình S (đã chết) và bà Vũ Thị L1; có vợ là Lê Thị Hồng M2, có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2018, đến ngày 10/5/2018 được tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Đình T3 (Tên gọi khác: Hùng); sinh năm 1978 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12; con ông Lê Đình M3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H7 (đã chết); có vợ là Trần Thị Kiều V, có 04 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Năm 1997, bị Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Năm 2002, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2018, đến ngày 21/3/2018 được tại ngoại.

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Đức T2; sinh năm 1988 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn TL, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Đức H8 (đã chết) và bà Huỳnh Thị L3; có vợ là Đặng Thị Thu T7, có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2018 đến ngày 21/3/2018 được tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Cao Thị H1; sinh năm 1979 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn 3, xã E1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; con ông Cao Văn S1 và bà Đinh Thị M4; có chồng là Võ Mạnh T8 (đã ly hôn); có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 01 năm tù về tội “Đánh bạc”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2018, đến ngày 21/3/2018 được tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Phạm Vũ H2; sinh năm 1992 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn Y, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; con ông Phạm Ngọc Q và bà Lê Thị H9; có vợ là Huỳnh Thị Hồng T9, có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/01/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng 05 ngày tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo được tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Đỗ Thị M, Võ Anh H3, Mai Phú M1, Nguyễn Đình H4, Nguyễn Thị Hồng T4, Huỳnh Đức L, Trần Minh T5, Võ Thị Như B không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 11/3/2018, Võ Văn T, Võ Văn H cùng một số người ngồi uống nước tại ngã ba N, thuộc xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, sau đó T rủ vào rẫy cà phê của ông Phạm Ngọc Q ở thôn Y, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để đánh bạc. Khi đến nơi, T là người chuẩn bị chén đĩa, đục các con vị đặt ra chiếu để ai có nhu cầu thì xóc cái thắng, thua với những người chơi. H cùng một số con bạc trải bạt ra để đánh bạc, khi sòng bạc hoạt động H ra ngoài đứng canh giới lực lượng Công an. Lúc đầu một người thanh niên tên Beo (chưa xác minh được nhân thân lai lịch) xóc cái, sau đó Phạm Vũ H2 là người xóc cái. Trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 16 giờ lần lượt Lê Đình T3, Võ Anh H3, Mai Phú M1, Đỗ Thị M, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Đình H4, Vũ Đình T1, Cao Thị H1, Nguyễn Thị Hồng T4, Huỳnh Đức L, Trần Minh T5, Võ Thị Như B và một số người đi vào sòng bạc để tham gia đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, số tiền trên chiếu bạc của hai mặt chắn lẻ luôn dao động từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, Võ Văn T làm cái sen kê và thu tiền xâu của các con bạc dưới hình thức khi xóc ba con vị ra cùng màu đen T thu 5% trên tổng số tiền thắng cược và T thuê một thanh niên tên Tèo (không xác minh được nhân thân lai lịch) làm người chung chỉ tiền thắng thua cho các con bạc. Đến 16 giờ 30 ngày 11/3/2018, khi các đối tượng nói trên đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 19.000.000 đồng cùng một số vật dụng phục vụ cho việc đánh bạc và tổ chức đánh bạc. Ngày 21/3/2018

H2 đến Cơ quan điều tra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngày 14/6/2018 Võ Văn H ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định: Phạm Vũ H2 mang theo 3.000.000 đồng khi bị bắt quả tang H2, H bỏ chạy được, H2 thua hết 2.000.000 đồng. Nguyễn Thị Hồng T4 mang theo 1.000.000 đồng khi bị bắt quả tang do không kiểm đếm T4 không biết kết quả thắng thua, số tiền đó T4 đã bỏ lại ở chiếu bạc. Cao Thị H1 mang theo 1.000.000 đồng khi bị bắt quả tang, H1 thua hết 750.000 đồng, số tiền 250.000 đồng còn lại H1 đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Huỳnh Đức L mang theo 2.500.000 đồng khi bị bắt quả tang, L thua 300.000 đồng, số tiền 2.200.000 đồng còn lại L đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Đỗ Thị M mang theo 1.700.000 đồng khi bị bắt quả tang M thua 170.000 đồng, số tiền 30.000 đồng M làm rơi xuống chiếu bạc, còn lại 1.500.000 đồng M đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Vũ Đình T1 mang theo 6.560.000 đồng, T1 sử dụng 500.000 đồng vào việc đánh bạc, và mua nước, thuốc hết 60.000 đồng, số tiền còn lại T1 không sử dụng vào việc đánh bạc. Trần Minh T5 mang theo 1.500.000 đồng khi bị bắt quả tang T5 thắng được 1.500.000 đồng, số tiền 3.000.000 đồng T5 đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Nguyễn Đình H4 mang theo 100.000 đồng khi bị bắt quả tang H4 thua hết số tiền mang theo. Nguyễn Đức T2 mang theo 1.200.000 đồng khi bắt quả tang T2 thua hết số tiền mang theo. Võ Anh H3 mang theo 50.000.000 đồng, số tiền trên có 40.000.000 đồng là tiền của vợ H3 tên Nguyễn Thị Kim Liên đưa cho đi trả nợ, H3 không dùng vào việc đánh bạc mà dùng 10.000.000 đồng là tiền mượn của Lê Đình T3 sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị bắt quả tang H3 thua hết 10.000.000 đồng. Lê Đình T3 mang theo 28.000.000 đồng, T3 lấy ra 2.000.000 đồng để tham gia đánh bạc khi bị bắt quả tang T3 thắng được 2.000.000 đồng, số tiền 4.000.000 đồng T3 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra, số tiền 26.000.000 đồng là tiền của vợ T3 tên Trần Thị Kiều Vân đưa cho đi trả nợ. Mai Phú M1 mang theo 1.500.000 đồng khi bị bắt quả tang M1 thua hết số tiền mang theo. Võ Thị Như B mang theo 8.100.000 đồng, B sử dụng 50.000 đồng vào việc đánh bạc, số tiền còn lại là tiền buôn bán của B. Bị cáo Võ Văn T thu tiền xâu của các con bạc được 380.000 đồng.

Tính đến ngày bị bắt quả tang, Võ Văn T tổ chức sòng bạc trên được hơn 03 ngày thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang, sau khi trừ các chi phí T thu lợi được số tiền 1.5000.000 đồng. Võ Văn H (em ruột T) làm công việc phụ giúp cho T trong việc tổ chức sòng bạc và được T trả công 700.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trong ngày 11/3/2018 là 40.330.000 đồng. Trong đó có 19.000.000 đồng tiền thu trên chiếu bạc, 10.000.000 đồng thu giữ gần vị trí đánh bạc và 11.330.000 đồng là tiền thu giữ của các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

Hình thức đánh xóc đĩa và cách thắng, thua như sau:

Những người tham gia chơi đánh bạc có một người đứng ra làm cái, người làm cái sẽ xóc 04 con vị (được cắt từ lá bài tây, 01 con vị gồm một mặt trắng và một mặt đen) được để trong 01 đĩa, đập bằng 01 cái chén để xác định kết quả chắn hay lẻ. Kết quả là chắn khi 04 con vị xuất hiện các trường hợp như sau: 4 mặt trắng; 4 mặt đen; 2 mặt trắng, 2 mặt đen; kết quả là lẻ khi 04 con vị xuất hiện các trường hợp sau: 1 mặt trắng, 3 mặt đen; 3 mặt trắng, 1 mặt đen. Khi người làm cái xóc vị xong, những người khác bắt đầu tham gia đặt cược, người chơi có thể chọn bên chắn (được quy ước là bên tay phải của người làm cái) hoặc chọn bên lẻ (được quy ước là bên tay trái của người làm cái) thì đặt số tiền cá cược xuống chiếu. Sau đó, người cầm cái mở chén để tính thắng, thua và chung tiền theo tỷ lệ 1 - 1. Nếu người chơi đặt tiền ở cửa chắn và kết quả xóc đĩa là chắn thì người chơi thắng. Nếu người chơi đặt tiền ở cửa chắn nhưng kết quả xóc đĩa là lẻ thì người chơi thua, hoặc ngược lại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 46/2018/HS-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 260, khoản 2 Điều 298, Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Tuyên bố:

Các bị cáo Võ Văn T, Võ Văn H phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”

Các bị cáo Vũ Đình T1, Lê Đình T3, Phạm Vũ H2, Nguyễn Đức T2, Cao Thị H1 phạm tội “*Đánh bạc*”

Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

1. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Võ Văn T (Tên gọi khác: T đen) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2018 đến ngày 08/8/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Võ Văn H (Tên gọi khác: Út H) 10 (mười) tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2018 đến ngày 20/6/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình' sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Lê Đình T3 (Tên gọi khác: Hùng) 08 (tám) tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2018 đến ngày 21/3/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Nguyễn Đức T2 08 (tám) tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2018 đến ngày 21/3/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; .

Xử phạt: Phạm Vũ H2 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Cao Thị H1 07 (bảy) tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2018 đến ngày 21/3/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án;

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Vũ Đình T1 07 (bảy) tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2018 đến ngày 10/5/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án;

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng; án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Võ Văn T, Võ Văn H, Lê Đình T3, Nguyễn Đức T2, Phạm Vũ H2, Cao Thị H1, Vũ Đình T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Ngày 13/02/2019, bị cáo Lê Đình T3 có đơn rút đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Võ Văn T, Võ Văn H, Nguyễn Đức T2, Phạm Vũ H2, Cao Thị H1, Vũ Đình T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc” là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức án đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp. Các bị cáo kháng cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Lê Đình T3 có đơn rút kháng cáo, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Đình T3.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Văn T, Võ Văn H, Lê Đình T3, Nguyễn Đức T2, Phạm Vũ H2, Cao Thị H1, Vũ Đình T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 11/3/2018, Võ Văn T, Võ Văn H đã tổ chức cho các đối tượng: Lê Đình T3, Võ Anh H3, Mai Phú M1, Đỗ Thị M, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Đình H4, Vũ Đình T1, Cao Thị H1, Nguyễn Thị Hồng T4, Huỳnh Đức L, Trần Minh T5, Phạm Vũ H2, Võ Thị Như B đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, thắng thua bằng tiền tại khu vực rẫy cà phê của ông Phạm Ngọc Q ở thôn Y, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, khi các đối tượng đang thực hiện hành vi phạm tội thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trong ngày 11/3/2018 là 40.330.000 đồng. Trong đó có 19.000.000 đồng tiền thu trên chiếu bạc, 10.000.000 đồng thu giữ gần vị trí đánh bạc và 11.330.000 đồng là tiền thu giữ của các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

[3] Hành vi của bị cáo Võ Văn T, Võ Văn H phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” qui định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự 2015; các bị cáo Nguyễn Đức T2, Phạm Vũ H2, Cao Thị H1, Vũ Đình T1 phạm tội “*Đánh bạc*” qui định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về các tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo:

[4] Đối với bị cáo Võ Văn T: Là người đứng ra tổ chức, chuẩn bị địa điểm, công cụ, rủ rê các con bạc đến để tham gia đánh bạc và thu lợi bất chính; bị cáo đã có hành vi tổ chức đánh bạc cho 13 người trong cùng một lúc với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 40.330.000 đồng; bị cáo là người tổ chức đánh bạc, có vai trò chính trong vụ án, thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Đối với bị cáo Võ Văn H: Bị cáo giúp Võ Văn T tổ chức sòng bạc với vai trò cảnh giới khi sòng bạc hoạt động và được trả công 700.000đ. Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm về hành vi tổ chức đánh bạc. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân

thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có vai trò đồng phạm thứ yếu, số tiền được trả công không lớn; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo vẫn đảm bảo khả năng tự cải tạo của bị cáo. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo được chấp nhận.

[6] Đối với bị cáo Phạm Vũ H2: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp các tình tiết giảm nhẹ mới chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét như: Ông nội được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, bà nội được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, Chính phủ tặng Bằng gia đình vẻ vang cho gia đình ông, bà nội. Mặc dù có tiền án nhưng đã được xóa án tích, xét tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, nên ghi nhận các tình tiết giảm nhẹ mới và chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xét không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo vẫn đảm bảo khả năng tự cải tạo của bị cáo.

[7] Đối với bị cáo Cao Thị H1: Mặc dù có tiền án nhưng đã được xóa án tích, xét tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; số tiền tham gia đánh bạc không lớn (1.000.000đ); bị cáo là phụ nữ có hoàn cảnh gia đình khó khăn; không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo vẫn đảm bảo khả năng tự cải tạo của bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo được chấp nhận.

[8] Đối với bị cáo Nguyễn Đức T2: Mặc dù có tiền án nhưng đã được xóa án tích, xét tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; số tiền tham gia đánh bạc không lớn (1.200.000đ); bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo vẫn đảm bảo khả năng tự cải tạo của bị cáo. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo được chấp nhận.

[9] Đối với bị cáo Vũ Đình T1: Mặc dù có tiền án nhưng đã được xóa án tích, xét tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; số tiền tham gia đánh bạc không lớn (500.000đ); bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo vẫn đảm bảo khả năng tự cải tạo của bị cáo. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo được chấp nhận.

[10] Do kháng cáo không được chấp nhận, bị cáo Võ Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 348, điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Đình T3.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn T.
3. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Văn H, Phạm Vũ H2, Cao Thị H1, Nguyễn Đức T2, Vũ Đình T1.
4. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 46/2018/HS-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

5. Tuyên bố:

Các bị cáo Võ Văn T, Võ Văn H phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”;

Các bị cáo Vũ Đình T1, Phạm Vũ H2, Nguyễn Đức T2, Cao Thị H1 phạm tội “*Đánh bạc*”.

5.1 Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Võ Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2018 đến ngày 08/8/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

5.2 Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Võ Văn H 10 (mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 10/6/2019).

Giao bị cáo Võ Văn H cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

5.3 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Nguyễn Đức T2 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 10/6/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Đức T2 cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

5.4 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; .

Xử phạt: Phạm Vũ H2 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 10/6/2019).

Giao bị cáo Phạm Vũ Hùng cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

5.5 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Cao Thị H1 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 10/6/2019).

Giao bị cáo Cao Thị H1 cho Ủy ban nhân dân xã E1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

5.6 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Vũ Đình T1 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 10/6/2019).

Giao bị cáo Vũ Đình T1 cho Ủy ban nhân dân xã E1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

6. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

7. Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Võ Văn H, Phạm Vũ H2, Cao Thị H1, Nguyễn Đức T2, Vũ Đình T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Các UBND xã, phường liên quan;
- Lưu hồ sơ, VT, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự